

CHIẾN LƯỢC "ĐI RA NGOÀI" CỦA TRUNG QUỐC

ĐỖ NGỌC TOÀN*

Trong chính sách mở cửa của Trung Quốc, "Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài", "Đầu tư trực tiếp hải ngoại", hay "Kinh doanh xuyên quốc gia của xí nghiệp" là biện pháp quan trọng nhằm thúc đẩy các xí nghiệp và các công ty xuyên quốc gia ở trong nước tìm kiếm thị trường ở bên ngoài, thực hiện chuyển dịch tư bản quốc tế thông qua phát triển mậu dịch đối ngoại, mở cửa vào thị trường thế giới, nâng cao sức cạnh tranh, đẩy mạnh hợp tác khai thác nguồn tài nguyên ở ngoài nước, tham gia hợp tác thầu khoán các công trình xây dựng và hợp tác lao động với nước ngoài, tạo vị thế của Trung Quốc trên trường quốc tế. Đó là chiến lược "đi ra ngoài" của nước này. Tuy nhiên, phải đến Đại hội lần thứ 14 của Đảng cộng sản Trung Quốc, sau khi Trung Quốc tiến hành đi sâu cải cách kinh tế, mở rộng quan hệ ngoại giao và hợp tác quốc tế, đồng thời có chính sách tích cực thu hút vốn và kỹ thuật của nước ngoài, Trung Quốc mới thực sự có cơ sở để đưa ra chiến lược "Đi ra ngoài". Thực chất nội dung chiến lược "Đi ra ngoài" của Trung Quốc hiện nay chính là làm thế nào để thúc đẩy các xí nghiệp, các công ty xuyên quốc gia có thể tham gia hoạt động đầu tư trực tiếp ra bên ngoài thông qua các lĩnh vực như mậu dịch đối ngoại,

đầu tư xây dựng xí nghiệp sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ, thầu khoán công trình và hợp tác lao động một cách sâu rộng hơn và có hiệu quả hơn trong mọi lĩnh vực trên phạm vi toàn cầu. Bài viết này sẽ chủ yếu đi sâu tìm hiểu thực tiễn tiến trình phát triển của hoạt động đầu tư trực tiếp ra bên ngoài của Trung Quốc trong những năm qua, phân tích thực trạng và đặc điểm, qua đó rút ra những thành công và hạn chế trong hoạt động này, đồng thời tìm hiểu những chính sách và biện pháp tiếp tục đẩy mạnh chiến lược đi ra ngoài hiện nay của Trung Quốc.

I. THỰC TRẠNG CỦA HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP RA BÊN NGOÀI CỦA TRUNG QUỐC

Cùng với trào lưu của các nước đang phát triển đẩy mạnh các hoạt động đầu tư ra ngoài nước từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX, các xí nghiệp của Trung Quốc sau khi cải cách mở cửa cũng từng bước đẩy mạnh chiến lược đầu tư ra ngoài, thực hiện kinh doanh xuyên quốc gia nhằm mục đích giành lấy thị trường, giảm nhẹ giá thành, tăng nhanh xuất khẩu, mở rộng hạn ngạch quota và phân tán rủi ro tài sản. Nhìn lại, quá trình đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các xí

* Ths. Viện Nghiên cứu Trung Quốc.

ngành và công ty xuyên quốc gia của Trung Quốc cũng giống như quá trình thực hiện chính sách cải cách mở cửa, đều trải qua một giai đoạn phát triển tuần tự từ nhỏ đến lớn (khởi đầu, phát triển, mở rộng, điều chỉnh). Vì vậy, cùng với sự tiến triển của hoạt động đầu tư trực tiếp ra bên ngoài của các xí nghiệp, các công ty xuyên quốc gia của Trung Quốc thời gian qua, có thể thấy rõ được một thực trạng phát triển mang đậm những đặc điểm riêng biệt có tính chất hai mặt khá rõ nét. Đó là:

1. Khởi đầu chậm, phát triển nhanh

Chính sách đầu tư trực tiếp ra bên ngoài của Trung Quốc so với các nước phát triển được thực hiện khá muộn, mới chỉ bắt đầu thực sự phát triển từ khi cải cách mở cửa trở lại đây, song cùng với việc tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế song phương và đa phương với các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển, đã làm cho mức độ mở cửa ngày càng rộng rãi, Trung Quốc đã có số lượng xí nghiệp đầu tư ra ngoài ngày càng tăng, mỗi giao lưu hợp tác kinh tế đối ngoại ngày càng phát triển, các hạng mục đầu tư trực tiếp, thầu khoán công trình và hợp tác lao động đã tăng nhanh chóng ở hầu hết các châu lục. Căn cứ vào thống kê của “Báo cáo đầu tư thế giới” năm 1991, từ năm 1982 - 1989 số lượng xí nghiệp đầu tư ra bên ngoài tăng bình quân hàng năm là 42%, tổng mức hiệp định ký kết tăng bình quân hàng năm là 51%, mức đầu tư của phía Trung Quốc tăng bình quân hàng năm là 50%, vượt quá mức bình quân của thế giới. Năm 2002, ngay từ quý I, đã tăng thêm 72 xí

ngành đầu tư trực tiếp ra bên ngoài được phê chuẩn thành lập, tăng 19 xí nghiệp so với cùng kỳ năm trước, tổng mức đầu tư ký kết là 427 triệu USD, tăng 408% so với cùng kỳ năm trước; trong quý I còn ký kết hợp đồng khoán công trình và hợp tác lao động mới, đạt 3,58 tỷ USD, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước; tính đến cuối tháng 3 cùng năm, số lượng nhân viên theo công trình ở nước ngoài là 459000 người, tăng 97000 người so với cùng kỳ năm trước¹.

2. Khu vực đầu tư khá tập trung. Cơ cấu đầu tư không hợp lý

Nhìn vào phân bố của các xí nghiệp, mặc dù hiện nay đã có gần 6000 xí nghiệp Trung quốc có mặt ở hơn 160 nước, riêng khu vực Hồng Kông-Ma Cao có tới 2117 xí nghiệp, chiếm khoảng 35% tổng số, song các xí nghiệp còn lại chủ yếu chỉ tập trung ở các nước và khu vực là Ostraylia, Canada, Mỹ, Thái lan, Nga, Niu Dilân, Nam Phi và Ma Cao v...v... Mức đầu tư vào mỗi hạng mục ở đây đều vượt quá 100 triệu USD, chiếm tới 80% tổng mức đầu tư ở nước ngoài của Trung Quốc².

Về cơ cấu đầu tư (bao gồm cơ cấu ngành trong khu vực và cơ cấu tiền tệ). Theo chọn lựa và tính toán của Trung Quốc, phần lớn ngành nghề đều tập trung ở các nước và khu vực phát triển, đặc biệt là tập trung nhiều ở khu vực Hồng Kông - Ma Cao, bởi lẽ ngoài vấn đề chính trị ra, còn liên quan đến chiến lược tổng thể về đầu tư ra ngoài của Trung Quốc. Trong cơ cấu ngành, đầu tư của Trung quốc rất không cân đối. Các xí nghiệp của Trung Quốc chủ yếu đầu tư

vào các ngành sản xuất sản phẩm cấp thấp, thông thường mà không coi trọng đầu tư vào ngành kỹ thuật cao; trong đầu tư chỉ coi trọng đầu tư vào ngành tiêu dùng hơn là đầu tư vào ngành có tính sản xuất; hoặc chỉ coi trọng đầu tư vào các ngành ở trong nước có hiệu quả thấp, mà coi nhẹ đầu tư vào các ngành liên kết trong nước có hiệu quả cao. Do đó, không những làm cho cơ cấu đầu tư không hợp lý mà còn làm cho đầu tư bị tách rời với các xí nghiệp sản xuất trong nước, rất dễ dẫn đến rủi ro cho các xí nghiệp đầu tư ra ngoài nước.

Về cơ cấu tiền tệ, do tỷ giá đồng đô-la quá mạnh so với những đồng tiền khác đã tăng thêm gánh nặng rủi ro cho xí nghiệp đầu tư ở ngoài nước của Trung Quốc. Cuộc khủng hoảng tài chính năm 1998 vừa qua cũng làm cho Trung Quốc phải chịu tổn thất khá nặng nề.

3. Phương thức đầu tư lấy chung vốn là chính. Chủ thể, ngành nghề đầu tư bắt đầu đi vào đa nguyên hoá.

Theo thống kê chưa đầy đủ, phương thức chung vốn của xí nghiệp có tính chất phi mậu dịch chiếm khoảng 80%, tuy nhiên, xí nghiệp đầu tư 100% vốn của xí nghiệp Trung Quốc ở ngoài nước lại rất ít mà chủ thể đầu tư ra ngoài nước của các công ty ngoại thương chuyên nghiệp trong thời gian này cũng rất yếu do các công ty vẫn còn đang phải điều chỉnh lại cơ cấu. Riêng các công ty kết hợp công nghiệp với mậu dịch (xí nghiệp công mậu) và xí nghiệp dân doanh lại đầu tư ra ngoài nước khá mạnh mẽ. Mười năm gần đây, các xí nghiệp hương trấn và xí nghiệp tư doanh đã phát triển nhanh chóng, qui mô và

thực lực của xí nghiệp ngày càng được mở rộng và lớn mạnh. Hiện nay, các xí nghiệp tư doanh và dân doanh trong nước đang rầm rộ đầu tư ra ngoài nước, trở thành một lực lượng mới vươn dậy trong lĩnh vực đầu tư ở hải ngoại, đưa chủ thể đầu tư của Trung Quốc đi vào đa nguyên hoá.

Về ngành nghề đầu tư, Trung Quốc đã từ từ chuyển dần các ngành mậu dịch, thầu khoán công trình, dịch vụ ăn uống trước đây sang các ngành mới như ngành khai thác tài nguyên (quặng, cá, gỗ...), ngành chế tạo máy, điện tử, luyện kim, hoá chất, công nghiệp nhẹ và ngành tiền tệ, ngân hàng... làm cho xu thế đa nguyên hoá trong ngành nghề đầu tư ngày càng mở rộng và thúc đẩy hạng mục có tính sản xuất không ngừng tăng lên.

4. Qui mô nhỏ, hiệu quả kém

Qui mô đầu tư trực tiếp của các xí nghiệp đầu tư ra bên ngoài của Trung Quốc vẫn còn rất nhỏ. Trước năm 2000, bình quân mỗi hạng mục đầu tư ra ngoài chỉ có 1,94 triệu USD, đặc biệt ở thành phố Ninh Ba, tính bình quân mỗi hạng mục chỉ có 260000 USD. Năm 2001, bình quân mỗi hạng mục đầu tư cũng chỉ đạt 2,52 triệu USD, trong khi mức đầu tư bình quân mỗi hạng mục của các nước phát triển là 6 triệu USD, của các nước đang phát triển cũng đạt tới 4,5 triệu USD³. Trong các hạng mục chung vốn đầu tư, mức đầu tư của phía Trung Quốc đạt tới 10 triệu USD trở lên chỉ có 14 hạng mục, tổng mức đầu tư của các hạng mục này đạt 300 triệu USD, trong đó đầu tư của phía Trung Quốc chiếm 38% tổng mức đầu tư. Xét về tổng thể, tuy

đầu tư ra ngoài nước khá nhiều, song kết quả thu được của các công ty xuyên quốc gia của Trung Quốc lại quá ít, phần lớn các công ty của Trung Quốc ở trong tình trạng “nhỏ, phân tán và hỗn loạn”, khả năng khai thác thị trường kém. Như ở khu vực Đông Nam Á đã có 43 xí nghiệp của Trung Quốc tham gia đầu tư nhưng thực lực giữa các xí nghiệp có sự chênh lệch rất lớn. Số vốn của mỗi xí nghiệp chỉ có từ chưa đầy 100 triệu NDT đến 3 tỷ NDT; doanh thu từ dưới 100 triệu NDT đến trên 3 tỷ NDT; mức lợi nhuận từ dưới 10 triệu đến trên 150 triệu NDT⁴. Còn mức đầu tư bình quân ra nước ngoài của xí nghiệp loại hình phi tiền tệ là 1,33 triệu USD, trong đó hạng mục mà phía Trung Quốc đầu tư chủ yếu là dưới 1 triệu USD. Như vậy, nếu phía Trung Quốc đầu tư không quá 50%, thì đầu tư của xí nghiệp chung vốn giữa Trung Quốc với nước ngoài cũng không thể vượt quá 2 triệu USD, chỉ bằng mức đầu tư với qui mô chung vốn của xí nghiệp cỡ nhỏ ở trong nước. Nhìn chung, hiệu quả đầu tư ra ngoài của các xí nghiệp Trung Quốc hiện nay vẫn còn rất kém, theo thống kê chưa đầy đủ, số xí nghiệp đầu tư ở bên ngoài có lãi chỉ ước khoảng 35%, còn số xí nghiệp thua lỗ chiếm tới 65%⁵.

II. LỢI ÍCH VÀ HẠN CHẾ TRONG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP RA NGOÀI CỦA TRUNG QUỐC

1. Lợi ích

Hoạt động đầu tư trực tiếp đối ngoại của Trung Quốc hiện nay chưa thể lạc quan song trong quá trình đầu tư ra ngoài nước, các xí nghiệp của Trung

Quốc cũng đạt được những lợi ích đáng kể. Đó là:

1.1. Phát hiện và mở rộng được các thị trường ở các nước trên thế giới và xuất khẩu ngày càng nhiều sản phẩm và lao động trong nước ra ngoài.

Hiện nay, đã có một số công ty ngoại thương quốc doanh của Trung Quốc đã thành lập được các công ty và trung tâm mậu dịch ở nước ngoài. Ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường, tăng cường giao dịch ngoại thương, xây dựng một mạng lưới tiêu thụ mới và đẩy mạnh xuất nhập khẩu ra, các công ty này cũng đã hoàn thiện được hệ thống dịch vụ hậu mãi như bảo dưỡng hoặc hướng dẫn về nghiệp vụ, giúp cho việc bảo đảm một cách hiệu quả các thị trường xuất khẩu vốn có trước đây và thị trường mới được xây dựng hiện nay. Cho đến nay, các xí nghiệp sản xuất kinh doanh xuyên quốc gia một mặt đã có thể tiêu thụ sản phẩm sản xuất của xí nghiệp ở nước sở tại và các nước xung quanh, mở rộng hơn nữa thị trường ra thế giới, mặt khác còn có thể đầu tư vào cổ phiếu định giá thiết bị, kỹ thuật, giúp cho thiết bị máy móc, linh kiện, kỹ thuật và nguồn lao động trong nước xuất khẩu ra ngoài nhiều hơn. Đặc biệt, còn có những xí nghiệp do muốn tránh sự bảo hộ thuế quan, phi thuế quan và hạn chế nhập khẩu của một số nước bạn hàng, đã triển khai đầu tư xây dựng nhà máy ở nước thứ ba để tranh thủ giấy phép và hạn ngạch quota của nước này, thực hiện mục đích xuất khẩu của mình. Chẳng hạn như một công ty Thượng Hải đã liên doanh với một công ty ở châu Âu xây dựng nhà máy dệt kim ở một nước châu Phi, rồi tiêu thụ toàn bộ

sản phẩm ở châu Âu, nhưng không phải chịu mức thuế cao và sự hạn chế của EU⁶.

1.2. Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên của nước ngoài.

Mọi người đều biết, Trung Quốc có lãnh thổ rộng lớn, nhưng nguồn tài nguyên cũng khá hạn hẹp, trữ lượng không cao, tài nguyên phân bố không đồng đều, hàng năm Trung Quốc đều phải nhập khẩu một khối lượng rất lớn. Do đó, một số công ty ở trong nước đã chú ý tới những nước giàu tài nguyên thiên nhiên và thành lập những xí nghiệp để khai thác tài nguyên ở các nước sở tại góp phần cung cấp một cách ổn định nguồn nguyên liệu nhập khẩu cho công ty của mình và các xí nghiệp khác ở trong nước. Chẳng hạn như Tổng công ty luyện kim Trung Quốc đầu tư và hợp tác kinh doanh quặng sắt với Oxtraylia, mỗi năm có thể chuyển về nước gần 10 triệu tấn quặng. Công ty Trung Tín chung vốn kinh doanh bột giấy ở Canada hoặc Công ty Trung Ngự, Công ty Trung Thủy đăng ký đầu tư ở một số nước Tây Phi, kinh doanh đánh bắt cá trên biển, không những làm dịu bớt căng thẳng về nguồn cung cấp bột giấy và hải sản trong nước, mà từ đó còn tạo ra nguồn xuất khẩu dồi dào sang các nước châu Âu.

1.3. Nhanh chóng nắm bắt những thông tin thị trường và thông tin kỹ thuật.

Mặc dù các công ty và tập đoàn mới được thành lập không lâu nhưng chỉ trong một thời gian ngắn đã kịp thời tìm hiểu rõ động thái phát triển mới của nền

kinh tế thế giới, nhanh chóng nắm bắt được xu thế phát triển của thị trường và giá cả, nắm vững những thông tin về kỹ thuật quan trọng và các chính sách, pháp luật, pháp quy hữu quan của nước ngoài, từ đó không những đã hoạch định được chiến lược chung có tính chất toàn cầu, mà còn đưa ra những chính sách, biện pháp thúc đẩy đầu tư ra ngoài một cách hữu hiệu, góp phần tích cực cho chiến lược "đi ra ngoài" của Trung Quốc.

1.4. Bước đầu thu hút và áp dụng những kỹ thuật tiên tiến và những kinh nghiệm quản lý của nền công nghiệp hiện đại.

Trong tiến trình đầu tư ra ngoài nước, những công ty tập đoàn có vốn lớn của Trung Quốc đã áp dụng các biện pháp thu hút kỹ thuật và phương thức quản lý tiên tiến như mua các loại trang thiết bị hiện đại, tham gia cổ phần vào các xí nghiệp tiên tiến của nước ngoài hoặc hợp tác nghiên cứu và chế tạo sản phẩm mới với nước ngoài nhằm thu hút, sử dụng những kỹ thuật tiên tiến của thế giới, đồng thời trong khi chung vốn hợp tác sản xuất và kinh doanh, các xí nghiệp đã học hỏi được rất nhiều phương thức và kinh nghiệm quản lý tiên tiến của các nước phát triển, đưa sản xuất của các xí nghiệp này ngày càng phát triển và có hiệu quả cao. Chẳng hạn như năm 1988, Tổng công ty gang thép Thủ đô Bắc Kinh đã mua 70% cổ phần của Công ty thiết kế công trình Mazda (Mỹ) và đã giành được kỹ thuật cán thép và đúc liên hoàn tiên tiến. Sự hợp tác song phương này đã đem về Trung Quốc những kỹ

thuật mới để Công ty gang thép Thủ đô nghiên cứu chế tạo ra máy cán thép nóng kiểu mới, góp phần giải quyết vấn đề thiếu thép hiện nay của Trung Quốc. Công ty uỷ thác đầu tư quốc tế Thượng Hải đã xây dựng văn phòng ở Mỹ, Nhật, Đức để tranh thủ lực lượng nhân viên kỹ thuật của nước sở tại cùng nghiên cứu, chế tạo và nhập về những kỹ thuật tiên tiến như máy cán dây cỡ lớn, kỹ thuật và thiết bị sản xuất máy móc cỡ lớn sử dụng ở trong cảng. Ngoài ra, trong quá trình hợp tác, Trung Quốc cũng học hỏi được những kỹ thuật bán hàng thực tế và kỹ thuật quản lý xí nghiệp một cách khoa học.

1.5. Đã tranh thủ được nguồn vốn của nước ngoài.

Do các nước phát triển và một số nước khu vực có ngành tiên tộ phát triển ở châu Á trong quá trình phát triển đã hình thành một thị trường vốn to lớn với nhiều kênh lưu thông rộng rãi, thông suốt, nên bất kỳ xí nghiệp nào đầu tư kinh doanh có hiệu quả và có tín nhiệm ở những nước này đều được chính phủ và các ngân hàng dành cho những ưu đãi, có thể dễ dàng được vay vốn mở rộng qui mô kinh doanh, thậm chí có thể tranh thủ vốn nước ngoài để đầu tư vào các hạng mục mới. Đồng thời, xí nghiệp tham gia chung vốn còn có thể tranh thủ vốn của đối tác chung vốn để thực hiện đầu tư vào hạng mục do mình đảm nhiệm. Do đó, các công ty, tập đoàn của Trung Quốc đã tranh thủ lợi thế này để tăng cường đầu tư ở nước ngoài để đạt mục đích kinh doanh xuyên quốc gia.

Ngoài ra, đầu tư xây dựng xí nghiệp ở bên ngoài cũng đem lại những nhân tố có lợi cho các xí nghiệp Trung Quốc. Các xí nghiệp có thể giảm bớt các khâu xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm, giảm bớt giá thành sản xuất và chi phí vận tải, chi phí đào tạo để tiếp thu những kỹ thuật mới và thích hợp đối với ngành nghề của xí nghiệp, và đặc biệt hơn là xí nghiệp đầu tư ra nước ngoài sẽ được hưởng những quyền lợi ưu đãi trong chính sách thu hút đầu tư của chính phủ nước sở tại.

2. Hạn chế

Mặc dù Trung Quốc đã đạt được những thành tích đáng kể nêu trên, song nói chung, lĩnh vực đầu tư ra ngoài của Trung Quốc vẫn ở giai đoạn ban đầu, kết quả còn kém xa so với hoạt động thu hút đầu tư của nước ngoài vào Trung Quốc. Nhìn chung, có rất nhiều nguyên nhân hạn chế làm cho chiến lược "Đi ra ngoài" của Trung Quốc gặp nhiều khó khăn. Đó là:

2.1. Hạn chế về thể chế

Thực tế cho đến những năm gần đây, Trung Quốc mới thực sự coi trọng lĩnh vực đầu tư trực tiếp ra ngoài, do đó trong một thời gian khá dài đã thiếu quan tâm đến vấn đề chỉ đạo, hướng dẫn và quản lý. Về mặt vĩ mô, nhà nước vẫn chưa có qui hoạch tổng thể thống nhất và bố trí hợp lý đối với lĩnh vực đầu tư ra ngoài. Trung Quốc chưa hoàn thiện được cơ cấu quản lý chuyên ngành thống nhất và có quyền lực, đồng thời cũng chưa xác lập được hệ

thống pháp luật, pháp qui để thúc đẩy đầu tư ra ngoài ổn định, trật tự.

Trong việc thẩm định, phê chuẩn các xí nghiệp đầu tư ra ngoài, ngành chủ quản các công ty xuyên quốc gia tham gia các loại hình mậu dịch, phi mậu dịch do trung ương, địa phương thành lập không có cơ chế điều hành nhất quán, các bộ, ngành quản lý dịch vụ như tiền tệ, bảo hiểm, y tế, vận tải yêu cầu cũng khác nhau, các ngành quản lý của chính phủ về ngoại hối, ngoại thương, kế hoạch, tài chính điều hành quản lý thông qua quá nhiều cửa nên cũng tạo ra sự phối hợp không đồng bộ, trình tự thẩm định, phê chuẩn các hạng mục quá quan liêu, phức tạp đã làm cho hiệu quả thấp, ảnh hưởng đến sự phát triển của các xí nghiệp đầu tư ra ngoài.

Đối với chính sách khuyến khích đầu tư ra ngoài hiện nay, chính phủ chưa có sự chỉ đạo, hướng dẫn thực sự có hiệu quả, thiếu tính liên tục và đồng bộ, luôn có hiện tượng vừa ủng hộ vừa hạn chế. Chẳng hạn như có những xí nghiệp địa phương xin đầu tư vào hạng mục gia công với nguyên liệu trong nước, phải cùng lúc vừa xin Ủy ban Mậu dịch kinh tế đối ngoại, vừa xin Ủy ban Kế hoạch, hai ngành này sẽ cùng phối hợp thẩm tra, sau khi thông qua sẽ ban bố hai văn bản chính thức, rồi lại đưa lên trình Ủy ban Kinh tế mậu dịch Nhà nước và Bộ Thương mại thẩm định, cuối cùng phải thông qua Cục Quản lý ngoại hối đánh giá rủi ro. Khi toàn bộ quá trình thẩm định hoàn thành, thì thị trường quốc tế đã thay đổi, tính khả thi đã mất hiệu lực, do đó, xí nghiệp đã bị mất cơ hội,

hiệu quả đầu tư bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Do nguyên nhân lịch sử, trong hệ thống công nghiệp của Trung Quốc, các xí nghiệp cỡ lớn đều là xí nghiệp quốc hữu. Trong một thời gian khá dài từ khi thực hiện cải cách mở cửa, đầu tư trực tiếp ra ngoài của Trung Quốc đều dựa vào những xí nghiệp quốc hữu mà thể chế quản lý của xí nghiệp quốc hữu hiện nay còn rất nhiều tồn tại và sai sót nghiêm trọng, là tác nhân làm ảnh hưởng đến vấn đề đầu tư ra ngoài của Trung Quốc. Chẳng hạn như việc lựa chọn mục tiêu, phương hướng và hành vi phát triển xí nghiệp của người sở hữu và người kinh doanh vẫn còn tồn tại nhiều mâu thuẫn, đồng thời chính sách khuyến khích, ưu đãi hoặc hạn chế đối với xí nghiệp sản xuất kinh doanh cũng chưa thực sự bảo đảm, do đó làm cho xí nghiệp quốc hữu vốn đã thiếu sức cạnh tranh với thị trường được bảo hộ ở trong nước, sẽ không thể thành công khi tham gia cạnh tranh quốc tế, khó có thể thực hiện kinh doanh xuyên quốc gia.

2.2. Hạn chế về kỹ thuật

Mặc dù hiện nay ngành công nghiệp của Trung Quốc cũng đạt được trình độ phát triển khả quan, đặc biệt là ngành công nghiệp điện gia dụng, song nhìn chung, sức mạnh về kỹ thuật của các xí nghiệp Trung Quốc rõ ràng còn khá yếu và thiếu thốn. Trung Quốc vẫn còn phải nhập khẩu nhiều và liên tục những kỹ thuật mới của nước ngoài, đặc biệt là các công nghệ kỹ thuật cao và hiện đại. Do đó, những năm qua, Trung Quốc chưa thể kíp nắm bắt và tiếp thu những kiến

thức về kỹ thuật mới được nhập vào, dẫn đến các xí nghiệp đầu tư ra ngoài của Trung Quốc khó có thể phát huy được khả năng sáng tạo và nội địa hoá kỹ thuật ở các nước sở tại. Thiếu sức mạnh về kỹ thuật cũng là nhân tố quan trọng và lâu dài hạn chế hoạt động kinh doanh xuyên quốc gia của các xí nghiệp Trung Quốc.

2.3. Hạn chế về vốn

Các xí nghiệp của Trung Quốc đặc biệt là xí nghiệp quốc hữu trong một thời gian dài có tốc độ phát triển yếu kém, sản lượng và hiệu suất lao động thấp, về cơ bản không đủ thực lực để thực hiện đầu tư trực tiếp ra ngoài bằng vốn tự có của mình, phần lớn phải trông chờ vào ngân sách nhà nước thông qua các khoản vay của ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống tiền tệ của nhà nước chưa hoàn thiện, thị trường vốn trong nước kém phát triển, hệ thống ngân hàng nhà nước rộng lớn vẫn chưa hoà nhập được với hệ thống ngân hàng thế giới, đồng thời, trong một thời gian dài vẫn chưa giải quyết thoả đáng một khối lượng lớn tài sản của xí nghiệp quốc hữu. Do đó trong quá trình các xí nghiệp muốn đầu tư ra ngoài, hệ thống tiền tệ rất khó có thể phát huy được tác dụng. Mặt khác, chính phủ Trung Quốc cũng áp dụng chế độ quản lý ngoại hối chặt chẽ đối với các hạng mục đầu tư ra ngoài. Qui mô, cơ cấu nợ nước ngoài đều do Ủy ban Kế hoạch phát triển nhà nước, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, Cục Quản lý nước ngoài cùng giám sát. Hiện nay, ngoài những hạng mục đầu tư

nhằm viện trợ cho nước ngoài và một số xí nghiệp gia công bằng nguyên liệu trong nước do Quốc Vụ viện phê chuẩn ra, Cục và các phân Cục quản lý ngoại hối nhà nước không giúp các xí nghiệp thẩm tra rủi ro về ngoại hối đối với các hạng mục mua ngoại tệ để đầu tư ra bên ngoài. Như vậy, về khách quan có lợi cho việc phòng tránh rủi ro, song ngược lại sẽ làm cho các xí nghiệp do thiếu vốn ngoại tệ tự có mà không thể có cơ hội đầu tư vào các hạng mục phù hợp, dẫn đến giảm sức cạnh tranh trên trường quốc tế. Mặt khác, chính sách cho vay xuất khẩu hiện hành của Trung Quốc (do Ngân hàng xuất nhập khẩu Trung Quốc thực hiện) cũng còn nhiều tồn tại, những khoản vay của Ngân hàng chủ yếu dành cho các hạng mục thầu khoán công trình trong lĩnh vực sản phẩm điện cơ và các loại thiết bị đồng bộ, trong khi rất nhiều xí nghiệp xây dựng cỡ lớn trong nước có chất lượng xây dựng cao và trình độ quản lý tiên tiến, có thể khoán công trình quốc tế như làm cầu, đường hầm, đường tàu điện ngầm... lại không được vay để tham gia đấu thầu. Ngoài ra, mức lãi suất vay tiền và lãi suất bảo hiểm cũng rất cao, càng tạo ra khó khăn nghiêm trọng. Những vấn đề này cũng làm các xí nghiệp đầu tư ra ngoài có vốn đầu tư eo hẹp thiếu sức cạnh tranh gay gắt⁷.

2.4. Hạn chế về nhân tài

Các công ty, xí nghiệp kinh doanh xuyên quốc gia của Trung Quốc hiện nay đang đòi hỏi phải có một lực lượng nhân tài quản lý có tố chất cao, có

trình độ quản lý giỏi. Song thời gian để Trung Quốc chuyển từ nền kinh tế kế hoạch sang nền kinh tế thị trường mới chỉ là bước đầu, còn quá ngắn ngủi, do đó ngay cả trong quá trình phát triển kinh tế hiện nay, vấn đề thiếu nhân tài cũng là vấn đề nổi bật. Hiện nay, lĩnh vực đầu tư ra ngoài nước đòi hỏi phải có những những nhân tài thuộc loại kinh doanh cỡ quốc tế, nghĩa là phải thông tỏ, biết nắm bắt tình hình, có kinh nghiệm phong phú về đầu tư quốc tế và nghiệp vụ kinh doanh xuyên quốc gia nhưng Trung Quốc khó có thể đáp ứng đầy đủ để thích ứng với nhu cầu đầu tư ra ngoài với phạm vi và qui mô lớn. Hơn nữa, những năm vừa qua, mặc dù Trung Quốc có chú trọng vấn đề bồi dưỡng đào tạo nhân tài, song cũng xuất hiện hiện tượng những người được cử đi đào tạo ở nước ngoài sau khi tốt nghiệp đã không về nước mà ở lại nước ngoài hoặc có về nước nhưng không trở về đơn vị cũ làm việc, đặc biệt là những người thuộc các xí nghiệp quốc hữu, nên đã tạo ra một xu hướng “ngoại lưu” diễn ra một cách phổ biến ở Trung Quốc. Tình trạng này làm cho Trung Quốc không dễ dàng giải quyết thỏa đáng vấn đề đào tạo và hình thành một đội ngũ nhân tài kinh doanh xuyên quốc gia.

III. CHÍNH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP TIẾP TỤC “ĐI RA NGOÀI” CỦA TRUNG QUỐC

Nhìn lại quá trình phát triển hoạt động đầu tư trực tiếp ra ngoài của Trung

Quốc, có thể thấy mặc dù hoạt động này đã có những tiến triển khá mạnh mẽ và đã đạt những thành tích đáng kể, song cũng có rất nhiều hạn chế, chứng tỏ những chính sách vừa qua chưa đủ để đạt được mức độ khả quan. Tuy nhiên, như ông Giang Trạch Dân đã nêu: “Chỉ có mạnh dạn, tích cực đi ra ngoài mới có thể lấp được sự thiếu hụt về nguồn vốn và thị trường trong nước; mới có thể đưa kỹ thuật, thiết bị, sản phẩm của Trung Quốc ra nước ngoài, mới có thể có điều kiện nhập khẩu kỹ thuật mới hơn để phát triển ngành nghề mới, mới có thể từng bước hình thành công ty xuyên quốc gia của mình từ nhỏ đến lớn để tham gia cạnh tranh toàn cầu tốt hơn”⁸. Nhằm đẩy mạnh hơn nữa hoạt động đầu tư ra bên ngoài, Đại hội lần thứ XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập ngày 8-11-2002 đã đề ra phải tiếp tục đẩy mạnh chiến lược “Đi ra ngoài”, theo đó Trung Quốc sẽ tăng cường đẩy mạnh hướng dẫn và khuyến khích các xí nghiệp mở rộng đầu tư xây dựng nhà máy, tham gia khai thác tài nguyên, thầu khoán xây dựng các hạng mục công trình, đầu tư vào hoạt động gia công chế biến và buôn bán sản phẩm ở ngoài nước, đồng thời đưa những sản phẩm, thiết bị, kỹ thuật và lao động trong nước xuất khẩu ra bên ngoài nhằm tranh thủ cả hai thị trường, hai nguồn tài nguyên trong và ngoài nước, góp phần tạo ra thực lực lớn mạnh cho nền kinh tế Trung Quốc.

Do đó, cùng với việc tổng kết lại những kết quả và kinh nghiệm của chiến

lược đi ra ngoài trong thời gian qua, Trung Quốc tiếp tục đưa ra những chính sách khuyến khích các xí nghiệp, công ty trong nước đầu tư trực tiếp ra bên ngoài tích cực và hiệu quả hơn nhằm đẩy nhanh chiến lược này. Những năm tới, Trung Quốc sẽ đánh giá lại vai trò của xí nghiệp và chức năng của nhà nước, nhà nước sẽ chú trọng phát triển chủ thể đi ra ngoài là xí nghiệp, còn nhà nước chỉ đóng vai trò phục vụ cho chiến lược đi ra ngoài của xí nghiệp. Trong quá trình thực hiện chiến lược đi ra ngoài, nhà nước sẽ đi sâu học hỏi những bài học kinh nghiệm hợp tác phát triển giữa công ty xuyên quốc gia và công ty mẹ trong nước, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho xí nghiệp đi ra ngoài đạt được thành công, mặt khác còn đi sâu vào cải thiện kinh doanh quốc tế của xí nghiệp. Hiện nay, Trung Quốc đang tiếp tục cố gắng đẩy nhanh chiến lược "Đi ra ngoài" thông qua những chính sách và biện pháp sau :

(1) Xây dựng hệ thống bảo đảm để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các xí nghiệp đầu tư ở ngoài nước.

Trước mắt, sẽ nhanh chóng xây dựng hệ thống lập pháp về các lĩnh vực đầu tư trực tiếp, hợp tác khoán công trình và lao động nhằm khắc phục tình trạng đầu tư kinh doanh không hợp pháp ở ngoài nước; hướng dẫn các xí nghiệp Trung Quốc tranh thủ vận dụng những quyền lợi mà Tổ chức Thương mại Thế giới dành cho để tiến hành các vòng đàm phán thương mại song phương, đa phương có hiệu quả, cố gắng giảm hoặc

xoá bỏ hàng rào bảo hộ của nước ngoài trong đầu tư, thương mại, đồng thời chỉ đạo các xí nghiệp nắm vững nguyên tắc của các hiệp định như Hiệp định ký kết bảo hộ đầu tư, Hiệp định giảm thuế hai lần, Hiệp định hỗ trợ tư pháp, Hiệp định hợp tác kinh tế, Hiệp định đầu tư mạo hiểm, Hiệp định bảo hiểm xã hội để tạo môi trường bên ngoài thuận lợi cho xí nghiệp đầu tư ra bên ngoài.

(2) Mở rộng chính sách thẩm định phê chuẩn đầu tư ra ngoài nước, đơn giản hoá trình tự thẩm định.

Chính phủ Trung Quốc sẽ thực hiện một số qui định có tính nguyên tắc sau: *thứ nhất*, phân định và điều chỉnh chức năng của các ngành hữu quan một cách hợp lý và có hiệu quả, đơn giản hoá trình tự, thu hẹp nội dung thẩm định phê chuẩn, giảm bớt các khâu phức tạp, cải tiến quản lý, chú trọng phục vụ; *thứ hai* là căn cứ theo nhu cầu phát triển kinh tế thị trường, tham khảo phương thức tự do hoá từng bước trình tự thẩm định phê chuẩn của các nước trên thế giới để góp phần thay đổi căn bản một số vấn đề có tính vi mô trong chế độ thẩm định đầu tư ra ngoài hiện hành của Trung Quốc, làm cho chế độ thẩm định và phê chuẩn phù hợp với qui luật đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của thế giới; *thứ ba* là cùng với việc coi trọng thẩm định các hạng mục đầu tư ra ngoài, sẽ tăng cường giám sát và quản lý các hạng mục đầu tư sau khi đã hoàn thành; *thứ tư* là áp dụng các nguyên tắc để xác định rõ ràng điều kiện, trình tự thẩm định phê chuẩn, thực hiện thẩm định công khai, công bằng, dân chủ, chính xác và đúng đắn.

(3) *Thực hiện cải cách ngành quản lý ngoại hối, hoàn thiện hệ thống dịch vụ tiền tệ cho đầu tư ra bên ngoài.*

Trung Quốc thời gian này chú trọng đẩy mạnh cải cách chế độ quản lý ngoại hối, cải thiện chính sách cho vay ngoại hối nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các xí nghiệp có vốn đầu tư ra ngoài. Cho đến nay, Cục Quản lý ngoại hối đã bắt đầu nới lỏng hạn chế về ngoại hối, đơn giản hoá các thủ tục, thực hiện xoá bỏ chế độ thẩm tra rủi ro đối với đầu tư ra ngoài bằng ngoại tệ. Các danh mục tài liệu về nguồn vốn đầu tư ra ngoài cần phải thẩm tra đã từ 11 mục trước đây được rút xuống chỉ còn 5 mục, đồng thời thời gian và trình tự thẩm định cũng được rút ngắn nhằm tạo điều kiện có lợi cho xí nghiệp nhanh chóng nắm bắt được thời cơ đầu tư. Ngoài ra, còn mở rộng hơn nữa định mức mua ngoại tệ để bảo đảm nhu cầu sử dụng ngoại tệ đầu tư ở bên ngoài của xí nghiệp. Đặc biệt, năm 2003, Trung Quốc còn công bố xoá bỏ chế độ chủ thể đầu tư phải giao nộp lợi nhuận bảo đảm bằng vàng về nước nhằm mục đích tăng cường đẩy mạnh tính tích cực đầu tư ra ngoài hơn nữa của xí nghiệp⁹.

Mặt khác, nhằm tạo thuận lợi cho các xí nghiệp đi ra ngoài, Trung Quốc tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống dịch vụ tiền tệ, xây dựng chế độ bảo đảm rủi ro về chính trị cho các xí nghiệp trong khi đầu tư ở bên ngoài theo thông lệ quốc tế, mở rộng dịch vụ cho vay tín dụng thương mại cho xí nghiệp trong nước muốn đầu

tư ra ngoài, đồng thời cũng xây dựng và hoàn thiện chế độ bảo đảm cung cấp tín dụng cho các xí nghiệp kinh doanh xuyên quốc gia.

(4) *Hoàn thiện chính sách và chế độ quản lý đầu tư ở ngoài nước*

Để góp phần hoàn thiện hơn nữa chính sách đầu tư ở bên ngoài, Trung Quốc không những xoá bỏ quan niệm coi lĩnh vực đầu tư ra ngoài chỉ là một bộ phận kết hợp hữu cơ trong chính sách mậu dịch đối ngoại mà còn chú trọng nâng cao tính độc lập của lĩnh vực đầu tư ra ngoài nước, đồng thời, cùng với việc tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài sẽ xác lập một chính sách đầu tư ra ngoài phù hợp với tình hình đất nước, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy mạnh đầu tư ra ngoài.

Đối với vấn đề quản lý đầu tư ở bên ngoài, Trung Quốc cũng tăng cường hoàn thiện chế độ quản lý thông qua những biện pháp sau: (1) Từng bước chuyển biến phạm vi quản lý và phương thức đãi ngộ. (Sắp tới Trung Quốc sẽ từng bước thực hiện chế độ đãi ngộ quốc dân đối với các xí nghiệp của mọi thành phần sở hữu, kể cả các xí nghiệp dân doanh theo như cam kết với Tổ chức Thương mại Thế giới). (2) Cùng với sự phát triển của tin học hoá, Trung Quốc sẽ xây dựng cơ quan chuyên ngành dịch vụ tư vấn thông tin cho các xí nghiệp đầu tư ở ngoài nước, thông tin về các mặt tin tức, pháp luật, tài vụ, sở hữu trí tuệ... giúp cho các xí nghiệp nhanh chóng nắm bắt được cơ hội đầu tư phát triển

sản xuất, kinh doanh thương mại hoặc dịch vụ. (3) Tăng cường bồi dưỡng và đào tạo nhân viên chuyên môn lành nghề để giúp cho các xí nghiệp xây dựng được một đội ngũ các nhà doanh nghiệp và nhân viên quản lý có trình độ cao có thể triển khai hoạt động đầu tư kinh doanh xuyên quốc gia. (4) Khuyến khích các xí nghiệp kinh doanh ở các nước sở tại, nhằm thu hút nguồn tài nguyên và trí tuệ của các nước này, đáp ứng nhu cầu về nguồn lực hạn hẹp của Trung Quốc trong lĩnh vực kinh doanh xuyên quốc gia.

Với mục đích tiếp tục thực hiện chiến lược “Đi ra ngoài” mà Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra, việc xây dựng và hoàn thiện những chính sách và biện pháp thúc đẩy hoạt động đầu tư trực tiếp ra ngoài nói trên đang được chính phủ và nhân dân Trung Quốc cố gắng thực thi và từng bước nâng cao, đưa lĩnh vực hợp tác mậu dịch và kinh tế đối ngoại của Trung Quốc với các quốc gia trên thế giới đi vào quá trình phát triển mạnh mẽ hơn và có hiệu quả hơn.

Nhìn vào triển vọng của hoạt động đầu tư ra bên ngoài, người ta chưa thể đưa ra những kết luận hay số liệu cụ thể. Song đứng trước yêu cầu của trào lưu nhất thể hoá kinh tế quốc tế, trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật và phân công quốc tế ngày càng sâu rộng đang trở thành một xu thế mới không thể xoay chuyển, có thể dự đoán hoạt động đầu tư ra ngoài của Trung Quốc vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ và rộng

rãi, góp phần đưa chiến lược “Đi ra ngoài” của Trung Quốc đạt được những thành tựu to lớn và hiệu quả, thúc đẩy nền kinh tế ngày càng tăng trưởng.



CHÚ THÍCH:

(1).(2) Vương Sản Hoa, Nhạc Hiểu Hoa: “Thúc đẩy sức mạnh của chiến lược “Đi ra ngoài”. Tin “Hợp tác kinh tế quốc tế” ngày 28-5-2003.

(3) Phùng Xích: “Phân tích thực chất hiện trạng đầu tư của xí nghiệp Trung Quốc đối với Đông Nam Á, Nam Á”, tin “Bình luận Thương nghiệp thế giới” 29-7-2004

(4) Lư Tiến Dũng: “WTO với thu hút vốn nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc”. Nxb Đại học Ngoại thương, năm 2001, Bắc Kinh.

(5) Lưu Sái Lực: “Quan hệ kinh tế đối ngoại Trung Quốc”. Nhà xuất bản Kinh tế Trung Quốc, năm 1999, Bắc Kinh.

(6) Như chú thích 3.

(7) Tin kinh tế vĩ mô Trung Quốc: “Bốn trở ngại lớn của chiến lược đầu tư trực tiếp ra nước ngoài”, ngày 28-4-2001, www.macrochina.com.cn

(8) Bạch Thuần: “Chiến lược mở cửa của “Đi ra ngoài”: Ý nghĩa, điều kiện, vấn đề, đối sách”. Nxb trường Đảng Trung ương, năm 2003, Bắc Kinh.

(9) Ngụy Bản Hoa: “Đi sâu cải cách, tăng cường thuận lợi, quán triệt thực hiện toàn diện chiến lược “Đi ra ngoài”. Chỉ nam hợp tác kinh tế đối ngoại Trung Quốc ngày 26-5-2004, www.fec.mofcom.gov.cn